

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 28/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai ban hành quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 1643/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai về việc ủy quyền Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai thực hiện thẩm định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường đối với các cơ sở trong các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Căn cứ Quyết định số 81/QĐ-KCNĐN ngày 29/03/2023 của Ban Quản lý các KCN về việc thành lập tổ thẩm định cấp giấy phép môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa với công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất và lắp ráp thiết bị điện tử với công suất 800.000 sản phẩm/năm; Sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại với công suất 500 tấn sản phẩm/năm” của Công ty TNHH Nasan HCM Việt Nam tại đường số 6, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai;

Theo văn bản số 1332/KCNĐN-MT ngày 14/04/2023 của Ban Quản lý các KCN về việc hoàn thiện hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường của Công ty TNHH Nasan HCM Việt Nam;

Xét đề nghị của Công ty TNHH Nasan HCM Việt Nam tại văn bản số 09/MT ngày 25/9/2023 về việc giải trình chỉnh sửa, bổ sung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án tại đường số 6, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường - Ban Quản lý các KCN Đồng Nai.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty TNHH Nasan HCM Việt Nam, địa chỉ tại đường số 6, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Chủ dự án) được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án “Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa với công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất và lắp ráp thiết bị điện tử với công suất 800.000 sản phẩm/năm; Sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại với công suất 500 tấn sản phẩm/năm” tại đường số 6, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án

1.1. Tên dự án: Nhà máy sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa với công suất 30.000 tấn sản phẩm/năm; Sản xuất và lắp ráp thiết bị điện tử với công suất 800.000 sản phẩm/năm; Sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại với công suất 500 tấn sản phẩm/năm.

(Gồm 02 xưởng với công suất mỗi xưởng như sau: Sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa, công suất 15.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất và lắp ráp thiết bị điện tử, công suất 400.000 sản phẩm/năm; sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại, công suất 250 tấn sản phẩm/năm).

1.2. Địa điểm hoạt động:

- Địa điểm 1: Thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ của Công ty TNHH JC Vina tại đường số 6, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Sau đây gọi tắt là Xưởng JC).

- Địa điểm 2: Thuê nhà xưởng và công trình phụ trợ của Công ty TNHH Vĩnh Cường tại đường số 6, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai (Sau đây gọi tắt là Xưởng Vĩnh Cường).

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 3603435207 do Phòng Đăng ký Kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp, đăng ký lần đầu ngày 29/12/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 18/11/2022.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 3251882221 do Ban Quản lý các KCN Đồng Nai cấp, chứng nhận lần đầu ngày 22/12/2016, chứng nhận thay đổi lần thứ ba ngày 19/01/2023.

1.4. Mã số thuế: 3603435207.

1.5. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ: Sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa; Sản xuất và lắp ráp thiết bị điện tử; Sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Phạm vi:

+ Xưởng JC: Diện tích nhà xưởng và các công trình phụ trợ thuê lại: 5.766 m², thời hạn thuê đến hết ngày 31/12/2023.

+ Xưởng Vĩnh Cường: Diện tích nhà xưởng và các công trình phụ trợ thuê lại: 4.896 m², thời hạn thuê đến hết ngày 31/12/2023.

- Quy mô: Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công). Theo tiêu chí môi trường thuộc Dự án đầu tư nhóm II (số thứ tự 1, Mục I phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

- Công suất:

+ Xưởng JC: Sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa, công suất 15.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất và lắp ráp thiết bị điện tử, công suất 400.000 sản phẩm/năm; sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại, công suất 250 tấn sản phẩm/năm.

+ Xưởng Vĩnh Cường: Sản xuất, gia công các sản phẩm bằng nhựa, công suất 15.000 tấn sản phẩm/năm; sản xuất và lắp ráp thiết bị điện tử, công suất 400.000 sản phẩm/năm; sản xuất các loại khuôn đúc bằng kim loại, công suất 250 tấn sản phẩm/năm.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Chủ dự án

1. Chủ dự án có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Chủ dự án có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép môi trường và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về cơ quan cấp giấy phép môi trường, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 năm (từ ngày 31 tháng 10 năm 2023 đến ngày 31 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 12/XN-KCNĐN ngày 18/01/2017 của dự án “Nhà máy sản xuất các sản phẩm từ nhựa, công suất 650 tấn sản phẩm/năm)” tại đường số 6, KCN An Phước, xã An Phước, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai do Ban quản lý các KCN Đồng Nai cấp hết hiệu lực kể từ ngày giấy phép môi trường có hiệu lực.

Điều 5. Giao Phòng Quản lý Tài nguyên và Môi trường – Ban Quản lý các KCN Đồng Nai tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và môi trường (để báo cáo);
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- UBND huyện Long Thành;
- Cty CP Tổng công ty Tín Nghĩa;
- Chủ dự án (thực hiện);
- Công ty TNHH JC Vina (thực hiện);
- Công ty TNHH Vĩnh Cường (thực hiện);
- Website Ban Quản lý các KCN;
- Lưu: VT, MT (NT)

TRƯỞNG BAN

Nguyễn Trí Phương

PHỤ LỤC 1
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 139/GPMT -KCNĐN ngày 31 / 10 / 2023 của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

1. Nguồn phát sinh nước thải:

- Xưởng JC: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom, xử lý chung tại hệ thống xử lý nước thải, công suất thiết kế 60 m³/ngày của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH JC Vina), sau đó đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước để tiếp tục xử lý. Công ty TNHH JC Vina chịu trách nhiệm thu gom, xử lý nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng của mình đạt giới hạn tiếp nhận của KCN An Phước trước khi đấu nối về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước theo Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường số 242/QĐ-KCNĐN ngày 28/7/2022 do Ban Quản lý các KCN cấp (Hợp đồng số 21/HĐNT.AP ngày 26/7/2016).

- Xưởng Vĩnh Cường: Nước thải sinh hoạt sau xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại được thu gom, đấu nối với hệ thống thu gom nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty TNHH Vĩnh Cường), sau đó đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước để tiếp tục xử lý. Công ty TNHH Vĩnh Cường chịu trách nhiệm về chất lượng nước thải của đơn vị cho thuê nhà xưởng của mình đạt giới hạn tiếp nhận của KCN An Phước trước khi đấu nối về Nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước theo Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 47/XN-KCNĐN ngày 29/4/2016 do Ban Quản lý các KCN cấp (Hợp đồng số 02/HĐNT.AP ngày 20/5/2016).

- Chất lượng nước thải trước khi đấu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN An Phước: phải đạt Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN An Phước do Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa làm chủ đầu tư hạ tầng KCN.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom nước mưa, nước thải:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải:

- Xưởng JC: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu vực nhà vệ sinh, văn phòng (khoảng 16,4 m³/ngày) được thu gom về 01 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 20 m³ để xử lý sơ bộ; nước thải từ nhà ăn khoảng 05 m³/ngày được thu gom về 01 bể tách dầu có thể tích 5 m³ để xử lý sơ bộ được thu gom bằng đường ống PVC và đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải, công suất thiết kế 60 m³/ngày.đêm của Công ty TNHH JC Vina để xử lý, sau đó đấu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN An Phước tại một điểm trên đường số 6 của KCN An Phước..

- Xưởng Vĩnh Cường: Nước thải sinh hoạt khoảng 13,6 m³/ngày được thu gom, xử lý sơ bộ bằng 01 bể tự hoại 03 ngăn có thể tích 20 m³, sau đó đấu nối

vào hệ thống thu gom nước thải của khu nhà xưởng cho thuê của Công ty TNHH Vĩnh Cường và đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN An Phước trên đường số 7 của KCN.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Xưởng JC: 01 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 20 m³ và 01 bể tách dầu mỡ, thể tích 5 m³.

- Xưởng Vĩnh Cường: 01 bể tự hoại 03 ngăn, thể tích 20 m³.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Không.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Thường xuyên kiểm tra đường ống, thiết bị, kịp thời khắc phục các sự cố rò rỉ, tắc nghẽn.

- Định kỳ nạo vét hệ thống đường rãnh thoát nước, hố ga để tăng khả năng thoát nước và lắng loại bỏ các chất bẩn.

- Đảm bảo không có bất kỳ công trình xây dựng trên đường ống dẫn nước.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm (quy định tại khoản 1 Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị Giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN An Phước theo thỏa thuận giữa Chủ đầu tư dự án và đơn vị kinh doanh hạ tầng KCN An Phước, không xả thải trực tiếp ra môi trường.

3.2. Công khai, minh bạch các đường ống thu gom, thoát nước thải; lưu giữ số liệu tại dự án và đưa vào nội dung báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ kinh phí, nhân lực, thiết bị, hóa chất,... vận hành tốt nhất các công trình thu gom, xử lý và xả nước thải của nhà máy.

PHỤ LỤC 2
YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI
THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số 139/GPMT -KCNĐN ngày 31 / 10 / 2023
của Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do dự án không phát sinh khí thải tại nguồn, không phát sinh bụi, khí thải phải xử lý trước khi xả ra môi trường).

B. YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

- Đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ bụi, khí thải phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án (nếu có) đạt Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ theo QCVN 19:2009/BTNMT (cột B; $K_v = 1,0$; K_p theo tổng lưu lượng các nguồn thải), Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ theo QCVN 20:2009/BTNMT.

- Thực hiện các biện pháp khống chế, giảm thiểu mùi hôi khó chịu hoặc gây ô nhiễm môi trường.

PHỤ LỤC 3
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số 139/GPMT -KCNĐN ngày 31 /10 /2023
của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:

1.1. Nguồn phát sinh tiếng ồn:

- Nguồn số 01: Từ quá trình hoạt động của dây chuyền sản xuất các sản phẩm bằng nhựa tại Xưởng JC.

- Nguồn số 02: Từ quá trình hoạt động của dây chuyền sản thiết bị điện, điện tử tại Xưởng JC 1.

- Nguồn số 03: Từ dây chuyền sản xuất các sản phẩm bằng nhựa tại Xưởng Vĩnh Cường.

- Nguồn số 04: Từ quá trình hoạt động của dây chuyền sản thiết bị điện, điện tử tại Xưởng Vĩnh Cường.

1.2. Nguồn phát sinh độ rung: Không phát sinh.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục $107^{\circ}45'$, múi chiếu 3°):

- Nguồn số 1: tọa độ (X = 1.199.775; Y=413.531).

- Nguồn số 2: tọa độ (X = 1.199.769; Y=413.579).

- Nguồn số 3: tọa độ (X = 1.199.915; Y=413.581).

- Nguồn số 4: tọa độ (X = 1.199.958; Y=413.635).

3. Tiếng ồn: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn theo QCVN 26:2010/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc theo QCVN 24:2016/BYT, cụ thể như sau:

STT	QCVN 26:2010/BTNMT		QCVN 24:2016/BYT		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Thời gian tiếp xúc với tiếng ồn (giờ)	Giới hạn cho phép mức áp suất âm tương đương (L_{aeq}) - dBA		
1	70	55	8	85	-	Khu vực thông thường

4. Độ rung: Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung theo QCVN 27:2010/BTNMT, cụ thể như sau:

STT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	<i>Khu vực thông thường</i>

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ÒN, ĐỘ RUNG:

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

- Bố trí các máy móc hợp lý nhằm tránh tập trung các thiết bị có khả năng gây ồn trong khu vực. Các máy móc thiết bị thực hiện phục vụ sản xuất được bảo dưỡng bảo trì, thay thế các linh kiện hư hỏng để không phát sinh tiếng ồn vượt quá ngưỡng cho phép trong môi trường sản xuất.

- Trang bị bảo hộ lao động (nút bịt tai chống ồn) cho lao động tại các khu vực phát sinh tiếng ồn nhiều. Đồng thời, có kế hoạch kiểm tra và theo dõi chặt chẽ việc sử dụng các phương tiện bảo hộ lao động thường xuyên.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy móc, thiết bị.

- Tiến hành kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Mục A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị.

PHỤ LỤC 4
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 139/GPMT -KCNĐN ngày 31 /10 /2023
của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải công nghiệp phải kiểm soát, chất thải nguy hại (CTNH) phát sinh thường xuyên:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 17.572 (kg/năm).

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
1	Giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại do hoạt động bảo trì máy móc, thiết bị	18 02 01	KS	Rắn	9.880
2	Phoi từ quá trình gia công tạo hình hoặc vật liệu bị mài ra lẫn dầu, nhũ tương hay dung dịch thải có dầu hoặc các thành phần nguy hại khác	03 05 08	KS	Rắn	6.182
3	Que hàn thải có các thành phần kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	03 05 09	KS	Rắn	240
4	Xi hàn thải có các thành phần kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	07 04 02	KS	Rắn	600
5	Cặn thải (Dịch thải) từ hoạt động gia công khuôn của dây chuyền sản xuất khuôn đúc bằng kim loại	19 10 02	KS	Bùn/Lỏng	200
6	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải có chứa thành phần nguy hại	16 01 06	NH	Rắn	120
7	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	16 01 06	NH	Lỏng	100

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
8	Bao bì cứng thải bằng nhựa có chứa thành phần nguy hại	18 01 03	KS	Rắn	250
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					17.572

Thực hiện phân định, phân loại chất thải phải kiểm soát theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 135.720 (kg/năm).

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
1	Bụi và bavia thải bỏ từ dây chuyền sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	12 08 06	TT - R	Rắn	4.846
2	Bán thành phẩm lỗi thải bỏ từ dây chuyền sản xuất các sản phẩm bằng nhựa	12 08 06	TT - R	Rắn	34.620
3	Kim loại thừa và bán thành phẩm lỗi thải bỏ từ quá trình sản xuất khuôn đúc bằng kim loại và sản xuất thiết bị điện, điện tử	12 08 04	TT - R	Rắn	49.452
4	Cặn thải từ quá trình rửa các khuôn ép và vệ sinh thiết bị trong dây chuyền sản xuất, gia công các chi tiết và phụ kiện của máy hút bụi, máy giặt, tủ lạnh bằng nhựa; từ hoạt động giải nhiệt của máy ép đùn trong dây chuyền sản xuất, gia công các chi tiết và phụ kiện của máy hút bụi, máy giặt, tủ lạnh bằng nhựa	07 01 11	TT	Rắn/ Bùn	28.800

STT	Tên chất thải	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Khối lượng (kg/năm)
5	Bao bì nylon thải	18 01 06	TT-R	Rắn	10.483
6	Nhóm giấy, bao bì carton thải	18 01 05	TT-R	Rắn	2.097
7	Bùn từ bể tự hoại	10 02 09	TT	Bùn	5.422
Tổng khối lượng dự kiến (kg/năm)					135.720

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

- Khối lượng phát sinh dự kiến: 104,832 (tấn/năm).

STT	Tên chất thải	Khối lượng (tấn/năm)
1	Chất thải rắn sinh hoạt	104,832
Tổng khối lượng dự kiến (tấn/năm)		104,832

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Thùng chứa dung tích 60 – 240 lít, phuy, can có nắp đậy.

2.1.2. Kho lưu chứa:

- Diện tích kho lưu chứa: 15 m² (Xưởng JC: 5m²; Xưởng Vĩnh Cường: 10 m²).

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa trong nhà: Thiết kế có tường tôn bao kín, mái che bằng tôn đảm bảo che nắng, che mưa, tránh gió và nền bê tông đảm bảo không ngập lụt. Có gờ chống tràn để ngăn CTNH dạng lỏng nếu bị chảy tràn và đảm bảo không để rò rỉ, đổ tràn ra ngoài kho. Có dán nhãn mã CTNH tương ứng đối với từng loại CTNH. Ngoài ra, kho CTNH còn được trang bị: thiết bị phòng cháy chữa cháy theo quy định, vật liệu hấp thụ (như cát khô) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng, biển dấu hiệu cảnh báo được treo ở bên ngoài kho.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 15 m² (Xưởng JC: 5m²; Xưởng Vĩnh Cường: 10 m²).

- Vị trí: nằm cuối nhà xưởng sản xuất.

- Kết cấu kho chứa: Thiết kế có tường tôn bao kín, mái che bằng tôn, nền bê tông đảm bảo không ngập lụt, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: Trang bị các thùng chứa rác sinh hoạt loại 20 lít và 60 lít tại khu vực nhà vệ sinh, nhà ăn, nhà xưởng và nhà văn phòng.
- Khu vực lưu chứa rác tập trung: Bố trí 04 thùng chứa rác lớn dung tích 240 lít có nắp đậy ở cuối nhà xưởng.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

1. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đối với khu lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

2. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất:

Hóa chất được lưu trữ riêng trong kho hóa chất có chống thấm, có gờ chống tràn và rãnh thu gom hóa chất đổ tràn, đồng thời trang bị thiết bị, dụng cụ ứng cứu sự cố hóa chất chuyên dụng sẵn sàng ứng cứu khi có sự cố đặt tại kho hóa chất và các vị trí sử dụng hóa chất. Những người làm việc với hóa chất phải được đào tạo, nắm rõ MSDS (Material Safety Data Sheets) của hóa chất và tuân thủ các quy định về an toàn trong vận chuyển, bốc dỡ hóa chất, bảo quản, lưu trữ, sử dụng và thải bỏ hóa chất. Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố hóa chất của Dự án theo quy định.

3. Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố cháy nổ:

Lắp đặt hệ thống báo cháy, ngăn cháy, phương tiện phòng cháy và chữa cháy phù hợp với tính chất, đặc điểm của Dự án, đảm bảo chất lượng và hoạt động theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các tiêu chuẩn về an toàn, phòng cháy và chữa cháy.

PHỤ LỤC 5

CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 139/GPMT -KCNDN ngày 31 / 10 /2023 của Ban Quản lý các KCN Đồng Nai)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG:

Không.

D. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Thực hiện quan trắc nguồn thải, chế độ báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm và lưu giữ kết quả quan trắc môi trường theo đăng ký tại báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án và các quy định pháp luật hiện hành.

2. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường; công khai giấy phép môi trường; cung cấp các thông tin có liên quan theo yêu cầu của cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường trong quá trình kiểm tra, thanh tra.

3. Phối hợp với các đơn vị cho thuê nhà xưởng trồng và chăm sóc cây xanh đảm bảo tỷ lệ diện tích cây xanh theo quy định nhằm tạo cảnh quan, cải thiện điều kiện khí hậu và giảm thiểu phát tán mùi hôi đối với dự án.

4. Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

5. Có kế hoạch tổ chức thực hiện về nhân lực, kinh phí, trang thiết bị, phương án đảm bảo phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường khi có sự cố xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án; đáp ứng các yêu cầu về vệ sinh môi trường; có bộ phận chuyên môn đủ năng lực để thực hiện nhiệm vụ bảo vệ môi trường; thực hiện quy định pháp luật về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn lao động và các quy định pháp luật có liên quan khác trong quá trình hoạt động của dự án.

6. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

7. Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

8. Trong quá trình hoạt động nếu dự án có xảy ra sự cố môi trường, phải chủ

động thực hiện mọi biện pháp xử lý, khắc phục và báo cáo kịp thời đến Công ty CP Tổng Công ty Tín Nghĩa, UBND huyện Long Thành, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý các Khu công nghiệp Đồng Nai và các cơ quan có liên quan. Chủ dự án chỉ được phép hoạt động lại sau khi có văn bản chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

9. Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

10. Tuân thủ đúng các quy định tại Luật Hóa chất và các quy định khác có liên quan đến hóa chất.

11. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

12. Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới./.

BAN QUẢN LÝ CÁC KCN ĐỒNG NAI